TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĐ
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

B án số: 26/2022/HSST
Ngày: 28 /9/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĐ

- TH1nh phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa*: Ông Lê Hồng Ninh
- *Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông Phạm Văn Bé
- Bà Lê Thị Hồng Chiêm
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Tăng Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện VĐ
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VĐ tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Bích Hạnh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân dân huyện VĐ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ L số 22/2022/HSST ngày 01 tháng 8 năm 2022. theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐXXST- HS ngày 12 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn C**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam;

Sinh ngày 03/7/1978, tại quận ĐS, tH1nh phố HP;

Nơi ĐKTT: Thôn ĐS, xã ĐX, huyện VĐ, Quảng Ninh;

Nơi cư trú: Thôn Đông T, xã ĐX, huyện VĐ, Quảng Ninh;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Công chức tư pháp – hộ tịch UBND xã ĐX; Trình độ học vấn: 12/12;

Hiện là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam

Họ tên cha: Nguyễn Văn B (Đã chết) Họ tên mẹ: Nguyễn Thị L - Sinh năm 1945; Họ và tên vợ: Nguyễn Thị N - Sinh năm 1981; Có 02 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2009;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 06/5/2022, đến ngày 11/7/2022 được thay thế bằng biện pháp "Bảo lĩnh" – Có mặt.

* Người bị hại:

- Ông Lê Văn T – sinh năm 1954; Nơi cư trú: Thôn TH, xã ĐK, huyện VĐ, tỉnh Quảng Ninh – Vắng mặt (có đơn xin vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị L1 – sinh năm 1958; Nơi cư trú: Thôn TH, xã ĐK, huyện VĐ, tỉnh Quảng Ninh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn T – sinh năm 1954; Nơi cư trú: Thôn TH, xã ĐK, huyện VĐ, tỉnh Quảng Ninh – Vắng mặt

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ L1 quan:

- Anh Vũ Văn Q – sinh năm 1968; Nơi cư trú: Thôn ĐT, xã ĐX, huyện VĐ, tỉnh Quảng Ninh – Vắng mặt

- Chị Nguyễn Thị N - sinh năm 1981; Nơi cư trú: Thôn Đông T, xã ĐX, huyện VĐ, tỉnh Quảng Ninh – Có mặt

* Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị L, anh Lê Văn H, ông Nguyễn Văn T – Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 29/11/2011, C đến nhà ông T, bà L1 tại phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả để vay số tiền 350.000.000đồng, cam kết sau 02 tháng nếu không trả được tiền thì ông T, bà L1 được toàn quyền sử dụng mảnh đất tại thôn Đông H1, xã ĐX, huyện VĐ của C. Sau đó, C viết giấy vay tiền với nội dung trên rồi cùng ông T, bà L1 và hai người làm chứng là các anh Lê Văn H, Nguyễn Văn T ký xác nhận. Số tiền 350.000.000 đồng vay được từ ông T, bà L1, C cho anh Vũ Văn Q vay lại vào tối cùng ngày.

Khi bị bà L1 L1 tục đòi tiền, ngày 06/12/2018 C đã chuẩn bị 01 chiếc bút loại có mực xóa được, 01 chiếc bút mực nước và 01 quyển sổ có dòng kẻ mà C thường dùng ghi chép việc trả nợ cho bà L1 trước đó, và rủ bạn là ông Phạm Văn H1 cùng đi đến nhà ông T, bà L1 để trả tiền. Khi đến nhà ông T, bà L1, C vào trong nhà một mình, chỉ trả cho bà L1 số tiền 3.000.000 đồng và viết nội dung lần trả nợ này bằng loại bút có mực xóa được vào quyển sổ, sau khi viết xong, C đưa cho bà L1 sử dụng bút của bà L1 ký vào vị trí "người nhận tiền", rồi C gọi ông H1 (đang ở ngoài sân) vào và đưa bút mực nước cho ông H1 ký vào vị trí "người chứng kiến". Sau đó C cầm quyển sổ và các loại bút cùng ông H1 ra về. C cất quyển sổ và các loại bút tại nhà thuộc thôn Đông T, xã ĐX, huyện VĐ.

Đến tháng 12/2019 thì C không còn khả năng trả nợ nữa, ông T, bà L1 vẫn tiếp tục đòi. Lúc này, C đã lấy quyển sổ ở nhà tại thôn Đông T, xã ĐX, huyện VĐ ra dùng một đầu chuyên xóa của chiếc bút xóa toàn bộ nội dung nguyên thủy trên giấy trả nợ tháng 12/2018, sau đó viết lại nội dung mới đè nên là ngày 29/12/2018 đã thanh toán đầy đủ số tiền 350.000.000 đồng cho bà L1. Sau đó, C hẹn gặp anh Q và bảo anh Q ký vào giấy với tư cách "người L1 quan". Từ đó C không trả nợ cho ông T, bà L1 nữa. Đến ngày 16/9/2020, sau khi ông T, bà L1 tố giác C, thì C đã giao nộp tờ giấy thanh toán nợ đã chỉnh sửa cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện VĐ để chứng minh việc C đã trả nợ xong cho ông T, bà L1.

Tại Kết luận giám định số 8615/C09-P5 ngày 26/02/2021 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận: Chữ ký đứng tên Nguyễn Thị L1 dưới mục "Người nhận tiền" trên giấy thanh toán nợ ngày 29/12/2018 so với chữ ký của bà Nguyễn Thị L1 cung cấp tại Cơ quan điều tra do cùng một người ký ra.

Công văn số 360/C09-P5 ngày 26/02/2021 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an về việc phát hiện đặc điểm, nội dung: Chữ viết nội dung nguyên thủy phía trên chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị L1 trên giấy thanh toán nợ ngày 29/12/2018 đã bị mất màu; Chữ viết từ dòng 1 đến 9 từ trên xuống và các chữ "Người nhận tiền" được

viết sau khi chữ viết nội dung nguyên thủy phía trên chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị L1 trên giấy thanh toán nợ ngày 29/12/2018 bị mất màu.

Tại Kết luận giám định số 3186/C09-P5 ngày 31/12/2021 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận:

- Chữ viết từ dòng thứ 1 đến dòng thứ 9 tính từ trên xuống và các chữ "Người nhận tiền" trên giấy thanh toán nợ ngày 29/12/2018 được viết sau khi đã có chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị L1 dưới mục "Người nhận tiền". Nội dung nguyên thủy (được viết bằng bút có mực đã bị làm mất màu) tại vị trí các dòng chữ viết thứ 2, 4, 6, 8, 10 tính từ trên xuống thuộc phần nội dung hiện tại xác định được theo thứ tự các dòng nêu trên là:

"Ngày 06/12/2018
Trả bà: Nguyễn Thị L1
Số tiền: 3.000.000đ
(Ba triệu đồng chẵn).
Người nhận"

- Chữ viết nội dung nguyên thủy trên giấy thanh toán nợ ngày 29/12/2018 so với chữ viết của Nguyễn Văn C trên các mẫu do cùng một người viết ra.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung B cáo T1 đã quy kết. Bị cáo thừa nhận, do có quen biết với con trai ông T, bà L1 nên bị cáo biết ông T, bà L1 có tiền để cho vay. Do anh Vũ Văn Q là người quen hỏi vay tiền bị cáo, nhưng bị cáo không có tiền cho vay, ngày 29/11/2011 bị cáo đã đến nhà ông T, bà L1 hỏi vay tiền và được ông T, bà L1 cho vay số tiền 350.000.000đ, sau khi vay được tiền, đến tối cùng ngày, bị cáo đã cho anh Vũ Văn Q vay lại toàn bộ số tiền nêu trên. Thừa nhận B thân bị cáo đã trực tiếp ký, ghi rõ họ tên của mình trên giấy vay tiền và chứng kiến ông T, bà L1 cùng hai người hàng xóm của ông T, bà L1 cùng ký tên xác nhận trên giấy vay tiền.

Bị cáo thừa nhận do bị thúc ép trả nợ và lo sợ ông bà T L1 tố cáo đến cơ quan, ảnh hưởng đến công việc của mình, nên ngày 06/12/2018 bị cáo đã chuẩn bị 01 chiếc bút loại có mực xóa được, 01 chiếc bút mực nước và 01 quyển sổ có dòng kẻ mà bị cáo thường dùng ghi chép việc trả nợ cho bà L1 trước đó, và rủ bạn là ông Phạm Văn H1 cùng đi đến nH1 ông T, bà L1 tại thôn TH, xã ĐK, huyện VĐ để trả tiền. Trên đường đi, bị cáo cùng ông H1 đến nhà ông Nguyễn Hữu T1 tại thôn ĐS, xã ĐX, huyện VĐ để lấy số tiền 50.000.000đồng mà bị cáo hỏi vay ông T1 từ trước đó. Khi đến nhà ông T, bà L1, bị cáo vào trong nhà một mình và chỉ trả cho bà L1 số tiền 3.000.000 đồng, bị cáo viết nội dung lần trả nợ này bằng loại bút có mực xóa được vào quyển sổ. Sau khi viết xong, bị cáo đưa cho bà L1 sử dụng bút của bà L1 ký vào vị trí "người nhận tiền", rồi bị cáo gọi ông H1 lúc này đang ở ngoài sân vào và đưa bút mực nước cho ông H1 ký vào vị trí "người chứng kiến". Sau đó bị cáo cầm quyển sổ và các loại bút cùng ông H1 ra về. Bị cáo cất quyển sổ và các loại bút tại nhà của bị cáo thuộc thôn Đông T, xã ĐX, huyện VĐ.

Bị cáo thừa nhận mục đích của việc sử dụng bút có mực đã bị làm mất màu là, nếu sau này mà không có khả năng trả nợ, các dòng chữ sẽ bay màu, bị cáo sẽ xóa nội dung cũ và viết nội dung mới đè lên là đã trả xong toàn bộ số nợ để không phải trả nợ cho ông bà T, L1. Thời gian sau đó, bị cáo vẫn tiếp tục trả nợ cho ông T, bà L1, đến

tháng 12/2019 với tổng số tiền trả là 39.000.000 đồng thì bị cáo không còn khả năng trả nợ. Ông T, bà L1 vẫn tiếp tục đòi nợ bị cáo, lúc này, bị cáo đã lấy quyển sổ ở nH1 tại thôn Đông T, xã ĐX, huyện VĐ mà bị cáo dùng ghi chép việc trả nợ cho bà L1 trước đó ra, dùng một đầu chuyên xóa của chiếc bút có loại mực xóa được ra xóa toàn bộ nội dung nguyên thủy trên giấy trả nợ tháng 12/2018, sau đó viết lại nội dung mới đè lên là ngày 29/12/2018 bị cáo đã thanh toán đầy đủ số tiền 350.000.000 đồng cho bà L1. Sau đó, bị cáo hẹn gặp anh Q và bảo anh Q ký vào giấy với tư cách "người L1 quan". Từ khi viết lại nội dung giấy vay tiền, bị cáo không trả nợ cho ông T, bà L1 nữa, đến ngày 16/9/2020, sau khi ông T, bà L1 tố giác bị cáo đến cơ quan chức năng, bị cáo đã giao nộp tờ giấy thanh toán nợ đã chỉnh sửa cho Cơ quan Cảnh sát điều tra để chứng minh việc bị cáo đã trả nợ xong cho ông T, bà L1.

Bị cáo còn khai nhận, chiếc bút có mực đã bị làm mất màu là do bị cáo lấy tại trụ sở làm việc của Công an xã ĐX, sau khi viết xong nội dung giấy thanh toán nợ ngày 29/12/2018, bị cáo đã vứt vào thùng rác của gia đình. Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo đã trả cho ông T, bà L1 311.000.000đ tiền nợ gốc và 300.000.000đ tiền lãi. 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone mặt lưng màu vàng có kèm 01 sim, 01 điện thoại di động mặt lưng màu vàng có chữ Vfonx có kèm 02 sim bị thu giữ là của bị cáo, bị cáo sử dụng để L1 lạc hàng ngày. Việc bị cáo thế chấp cho ngân hàng thửa đất 481m^2, tại thôn Đông H1, xã ĐX, huyện VĐ là do bị cáo nói với ông bà T, L1 là thế chấp để lấy tiền trả cho ông bà, sau đó bị cáo có giao cho ông bà T, L1 01 B pho to Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để ông T, bà L1 giữ. Việc bị cáo chuẩn bị bút bay màu và khi bị cáo viết lại nội dung giấy vay tiền anh Q không biết, khi bị cáo nhờ anh Q ký vào mục "Người L1 quan" thì nội dung trên giấy thanh toán nợ đã được bị cáo chỉnh sửa hoàn chỉnh. Giấy cam kết ngày 26/3/2022 mà bị cáo giao nộp là do bị cáo đến nH1 anh Q ở thôn Đông Hải, xã ĐX, hướng dẫn cho anh Q viết, mục đích là để chứng minh anh Q đã vay số tiền 350.000.000đ của bị cáo, còn việc anh Q vay tiền của bị cáo, bị cáo không có yêu cầu hay ý kiến khác. Bị cáo khẳng định chỉ một mình bị cáo là người thực hiện việc chỉnh sửa nội dung giấy thanh toán nợ, không có ai giúp sức hay ép buộc bị cáo, thừa nhận B cáo T1 của Viện kiểm sát nhân dân huyện VĐ, truy tố đối với bị cáo, đúng với H1nh vi bị cáo đã thực hiện và đúng người, đúng tội, không oan.

Người bị hại:

Ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị L1, có lời khai phù hợp với lời khai của bị cáo, về diễn biến sự việc từ khi bị cáo đến nH1 ông bà vay tiền ngày 29/11/2011 đến khi bị cáo không trả tiền cho ông bà, vì vậy ông bà đã làm đơn tố giác đối với bị cáo đến Công an huyện VĐ, sau khi có kết luận giám định, ông bà mới được biết bị cáo đã dùng thủ đoạn sử dụng bút có mực bay màu để chiếm đoạt tiền của ông bà. Khi cho bị cáo vay tiền, do có mối quan hệ với gia đình, ông bà không tính lãi đối với số tiền cho bị cáo vay, vì thời gian bị cáo vay ngắn chỉ 02 tháng. Ông bà cũng khẳng định đến thời điểm bị cáo bị khởi tố, bị cáo còn nợ ông bà số tiền 311.000.000đ, đến nay bị cáo đã trả cho ông bà toàn bộ số tiền trên và trả 300.000.000đ tiền lãi cho ông bà, ông bà không yêu cầu bị cáo phải bồi thường bất kỳ khoản tiền nào khác. Về phần hình phạt, ông bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị N khai: Chị là vợ của bị cáo, khi sự việc xảy ra, chị đã cùng với bị cáo khắc phục và trả cho ông bà T L1 tổng số tiền là 611.000.000đ, đây là số tiền một phần của gia đình chị, một phần của anh Q trả đối với khoản vay mà anh Q đã vay của bị cáo C, đến nay B thân chị không yêu cầu bị cáo phải trả lại phần tiền của chị và không có ý kiến gì khác.

Anh Vũ Văn Q khai: Anh thừa nhận đã vay của bị cáo số tiền 350.000.000đ mà bị cáo đã vay của ông bà T L1 ngày 29/11/2011. Sau khi vay, do làm ăn thua lỗ nên anh chưa trả được tiền cho bị cáo, đến khi bị cáo bị khởi tố và điều tra về hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, anh đã cố gắng xoay xở để trả tiền cho bị cáo để bị cáo khắc phục hậu quả. Anh khẳng định anh không hề biết gì đến việc bị cáo sử dụng bút có mực bay màu để viết giấy thanh toán nợ với bà L1, sau đó chỉnh sửa nội dung trên giấy tờ này. Khi bị cáo đưa cho anh ký tên vào giấy thanh toán nợ ngày 29/12/2018, thì trên giấy đã có nội dung là bị cáo đã trả toàn bộ số tiền 350.000.000đ cho bà L1, do anh cũng đang vay tiền của bị cáo, vì vậy khi bị cáo nói thì anh đã ký vào mục "*Người L1 quan*" trên giấy thanh toán nợ, còn thực tế anh không biết gì hết.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn T, anh Lê Văn H là người ký tên vào giấy vay tiền ngày 29/11/2011 có lời khai phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại về diễn biến sự việc xảy ra, từ khi bị cáo đến nhà H1 ông T, bà L1 hỏi vay tiền đến khi vay được tiền, lập giấy tờ vay tiền và ký xác nhận. Cả hai người làm chứng đều khai, do thời gian đã lâu nên không nhớ rõ là khi ông T, bà L1 cho bị cáo vay tiền, hai bên có thỏa thuận về tiền lãi hay không và có đưa cho nhau giấy tờ, tài liệu nào hay không.

B cáo T1 số 22/CT-VKSVĐ ngày 01/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện VĐ truy tố bị cáo Nguyễn Văn C về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VĐ, đưa ra những chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung cáo T1, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 175; Điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Nguyễn Văn C từ 30 (ba mươi) tháng tù đến 36 (ba mươi sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

- Áp dụng điểm a khoảng 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone mặt lưng màu vàng có kèm 01 sim, 01 điện thoại di động mặt lưng màu vàng có chữ Vfonx có kèm 02 sim.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về H1nh vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện VĐ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện VĐ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về H1nh vi, quyết định của cơ quan tiến H1nh tố tụng, người tiến H1nh tố

tụng. Do đó, các Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến Hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về Hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên toà bị cáo Nguyễn Văn C khai nhận toàn bộ Hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với C lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với nội dung B cáo T1, phù hợp với lời khai của người bị hại, về diễn biến của Hành vi do không có tiền trả nợ, bị thúc ép trả nợ và lo lắng bị tố giác đến cơ quan nơi làm việc, bị cáo đã sử dụng thủ đoạn gian dối, dùng bút có mực xóa được, viết nội dung đã trả bà L1 số tiền 3.000.000đ, sau đó viết lại nội dung để chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Ý thức chiếm đoạt tài sản của người khác của bị cáo, được hình thành khi bị cáo rơi vào tình cảnh túng quẫn, vì vậy, sau khi không còn khả năng trả nợ, bị cáo đã sử dụng Ny tờ giấy thanh toán nợ đã bị bay hết mực có chữ nguyên thủy, viết lại toàn bộ nội dung trong đó thể hiện việc bị cáo đã trả toàn bộ số tiền đã vay của bị hại. Phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ L1 quan là anh Vũ Văn Q là người được bị cáo nhờ ký tên vào mục người chứng kiến trên giấy thanh toán nợ và chị Nguyễn Thị N trong việc bị cáo trả 611.000.000đ khắc phục toàn bộ hậu quả cho người bị hại, phù hợp với lời khai của người làm chứng là ông Nguyễn Văn T, anh Lê Văn H là người chứng kiến việc bị cáo vay tiền của ông T, bà L1 tại nH1 của ông bà và ký tên vào giấy vay tiền ngày 29/11/2011. Phù hợp với Kết luận giám định của Viện khoa học hình sự - Bộ Công An và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận: Khoảng tháng 12 năm 2019, tại thôn Đông T, xã ĐX, huyện VĐ, tỉnh Quảng Ninh, xuất phát từ quan hệ vay nợ tiền từ trước, Nguyễn Văn C đã có H1nh vi dùng thủ đoạn gian dối, chỉnh sửa giấy thanh toán nợ để chiếm đoạt số tiền 311.000.000 đồng mà C vay của ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị L1.

Bị cáo Nguyễn Văn C có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp; hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn C đủ yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" Tội phạm và hình phạt được qui định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Điều 175 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào thực hiện một trong các Hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống C của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;

...

3. Phạm tội chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm."

[3] Viện kiểm sát truy tố bị cáo Nguyễn Văn C về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" qui định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự, là có căn cứ, đúng qui định của pháp luật.

[4] Bị cáo Nguyễn Văn C là người trưởng thành, nhận thức được các quy định của pháp luật về quyền sở hữu về tài sản của người khác, nhưng do chủ quan, tự đưa B thân vào hoàn cảnh túng quẫn, sử dụng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản, dẫn đến phạm tội, vì vậy cần xử phạt bị cáo nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tiền án, tiền sự, tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Sau khi phạm tội đã tích cực khắc phục toàn bộ hậu quả, trả lại cho người bị hại số tiền bị chiếm đoạt và tiền lãi theo sự thỏa thuận của các bên; Từ năm 2014 đến năm 2018 là chiến sỹ thi đua cơ sở, được chủ tịch UBND huyện VĐ, chủ tịch UBND, đảng bộ xã ĐX tặng nhiều giấy khen, là người có tH1nh tích xuất sắc trong công tác; Người bị hại, UBND xã ĐX có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Sau khi xem xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên, xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vì vậy, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử nhận thấy, mức hình phạt tù áp dụng đối với bị cáo dưới mức khởi điểm của khung hình phạt bị truy tố và không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cho bị cáo được tự cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của C quyền địa phương và gia đình, cũng đủ tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung, thể hiện sự nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

[7] Về xử L vật chứng: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone mặt lưng màu vàng có kèm 01 sim, 01 điện thoại di động mặt lưng màu vàng có chữ Vfonx có kèm 02 sim thu giữ của bị cáo C, xét thấy 02 chiếc điện thoại này là tài sản của bị cáo, không L1 quan đến Hành vi phạm tội, không phải là vật chứng của vụ án, vì vậy cần trả lại cho bị cáo

[8] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị L1; Người có quyền lợi, nghĩa vụ L1 quan chị Nguyễn Thị N không yêu cầu bị cáo phải bồi thường bất cứ khoản tiền nào khác, vì vậy không xét.

[9] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo hiện tại không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[10] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án, bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ L1 quan có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 331 Bộ luật tố tụng hình sự.

[12] Đối với anh Vũ Văn Q vay tiền của Nguyễn Văn C và có ký là người L1 quan trong giấy thanh toán nợ ghi ngày 29/12/2018, quá trình điều tra đã xác định anh

Q không biết việc C chỉnh sửa giấy thanh toán nợ; và ông Phạm Văn H1 ký là người làm chứng trong giấy thanh toán nợ đã chết ngày 08/5/2022, nên không đề cập xử L.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 175; Điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Văn C** phạm tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"

Xử phạt: Nguyễn Văn C 36 (ba mươi sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/9/2022

Giao bị cáo Nguyễn Văn C cho Uỷ ban nhân dân xã ĐX, huyện VĐ, tỉnh Quảng Ninh để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách, trong trường hợp Nguyễn Văn C thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi H1nh án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết hoặc buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của B án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới, thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của B án trước và tổng hợp với hình phạt của B án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

- Áp dụng điểm a khoảng 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone mặt lưng màu vàng có kèm 01 sim, 01 điện thoại di động mặt lưng màu vàng có chữ Vfonx có kèm 02 sim.

Tình T1 vật chứng, tài sản thể hiện tại biên B giao nhận vật chứng, tài sản số 27 ngày 09/8/2022 của Chi cục Thi H1nh án dân sự huyện VĐ, tỉnh Quảng Ninh.

- Căn cứ: Điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, biện pháp ngăn chặn Bảo Lĩnh tại quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn: Số 01/QĐ - TA ngày 02/8/2022 áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Văn C bị hủy bỏ.

- Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm

- Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 331 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ L1 quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ L1 quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được B án hoặc B án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- *Tòa án,Viện kiểm sát nhân dân tỉnh QN*
- *Viện kiểm sát nhân dân huyện VĐ*
- *CQCSĐT, THAHS Công an huyện VĐ*
- *Chi cục thi H1nh án dân sự huyện VĐ*
- *Bị cáo, Bị hại, người L1 quan, THA*
- *Lưu hồ sơ, lưu văn phòng*

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Hồng Ninh

TH1NH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Phạm Văn Bé – Lê Thị Hồng Chiêm

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Hồng Ninh

Nơi nhận:
- *Tòa án,Viện kiểm sát nhân dân tỉnh QN*
- *Viện kiểm sát nhân dân huyện VĐ*
- *CQCSĐT, THAHS Công an huyện VĐ*
- *Chi cục thi H1nh án dân sự huyện VĐ*
- *Bị cáo, Bị hại, người L1 quan, THA*
- *Lưu hồ sơ, lưu văn phòng*

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Hồng Ninh